



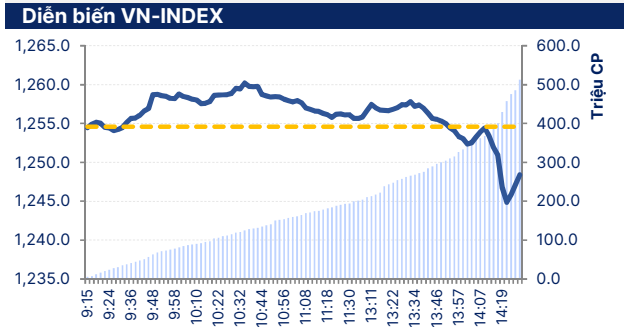
Phiên giao dịch ngày:

6/1/2025

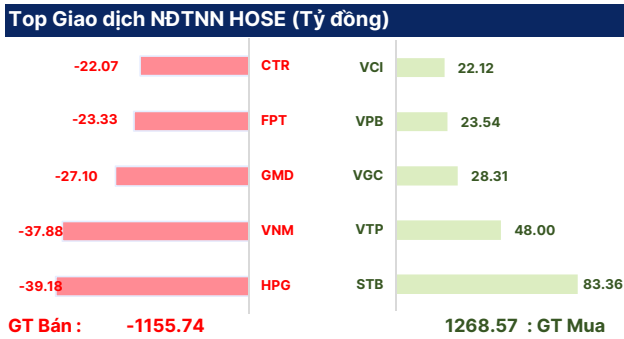
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,246.35	222.95
% Thay đổi	↓ -0.66%	↓ -1.20%
KLGD (CP)	519,009,462	54,668,647
GTGD (tỷ đồng)	13,663.82	1,007.01

**DIỄN BIẾN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG**

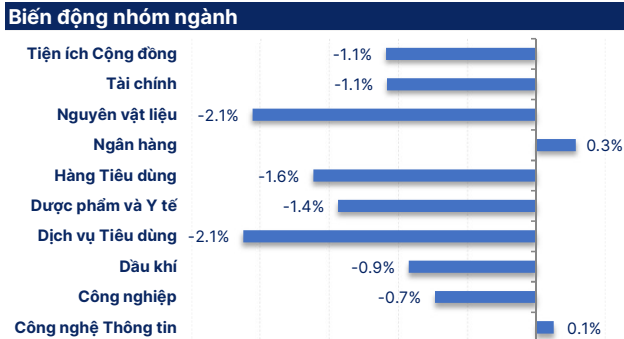
Sau khi giảm điểm phiên cuối tuần trước, VN-INDEX không giữ được vùng hỗ trợ quan trọng giá trung bình 200 phiên quanh 1.260 điểm. VN-INDEX trong phiên giao dịch hôm nay, tăng nhẹ kiểm tra lại 1.260 điểm với thanh khoản thấp. Sau đó áp lực bán gia tăng mạnh hơn với thanh khoản gia tăng. Kết phiên VN-INDEX giảm 8,24 điểm (-0,66%) về mức 1.246,35 điểm. Trong khi VN30 giảm 7,54 điểm (-0,57%) về mức 1.313,04 điểm, chịu áp lực điều chỉnh về vùng giá quanh 1.300 điểm, tương ứng giá trung bình 200 phiên của VN30.



Độ rộng thị trường nghiêng về tiêu cực với 235 cổ phiếu giảm giá, 69 cổ phiếu tăng giá và 53 cổ phiếu giữ giá tham chiếu. Thanh khoản tăng với khối lượng giao dịch trên HOSE tăng 2,07% so với phiên trước. Thể hiện với áp lực bán gia tăng mở rộng trên nhiều mã, nhóm mã với khối lượng gia tăng kém tích cực, tập trung nhiều ở nhóm vốn hóa trung bình, nhỏ. Khối ngoại mua ròng trên HOSE với giá trị 112,8 tỷ đồng trong phiên hôm nay.



Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2501 giảm -5,10 điểm (-0,39%), đóng cửa tại 1.318,90 điểm. Chênh lệch +5,86 điểm so với VN30, các kỳ hạn xa hơn là VN30F2502 VN30F2503 VN30F2506 chênh lệch từ +11,96 điểm đến +18,96 điểm so với VN30. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch -13,95% so với phiên trước, và thấp hơn mức trung bình 20 phiên. Xu hướng ngắn hạn của VN30F2501, khả năng tiến tới kiểm định hỗ trợ 1.300 điểm trong ngắn hạn sắp tới. Khối lượng mở OI hôm nay là 42.991 thấp hơn so với phiên gần nhất là 46.749 cho thấy xu hướng giảm bớt các vị thế nắm giữ.



Xu hướng ngắn hạn VN-INDEX sau khi không giữ được đường giá trung bình 200 phiên, đã trở nên tiêu cực hơn, chuyển sang xu hướng điều chỉnh, có thể tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh kiểm tra lại vùng giá 1.200 điểm - 1.220 điểm, hỗ trợ gần nhất quanh 1.240 điểm, kháng cự 1.255-1260 điểm. Xu hướng trung hạn tích lũy kém tích cực ở nửa dưới kênh rộng trong vùng 1200 điểm đến 1300 điểm, với vùng giá cân bằng quanh 1.250 điểm.



Báo cáo của Tổng cục Thống kê cho biết, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 4/2024 ước tính tăng 7,55% so với cùng kỳ năm trước, duy trì xu hướng quý sau cao hơn quý trước (quý 1 tăng 5,98%, quý 2 tăng 7,25%, quý 3 tăng 7,43%). Trong cả năm 2024, GDP của Việt Nam ước tính tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2024 ước đạt 11,511.9 nghìn tỷ đồng, tương đương 460 tỷ USD. Vốn hóa toàn thị trường khoảng 283 tỷ USD, khoảng 62% GDP 2024, tương đối hấp dẫn so với qui mô nền kinh tế, với tăng trưởng GDP năm 2025 kế hoạch tăng 8%.

Nhà đầu tư duy trì tỉ trọng hợp lý. Chúng tôi sẽ tiếp tục đánh giá thị trường trên các yếu tố vĩ mô, thị trường, ngành, doanh nghiệp trong năm 2024 và triển vọng năm 2025 trong những báo cáo tiếp theo. Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
VLB	40.03	36-37	42-44	34	8.8	44.0%	147.6%	Theo dõi giải ngân
CMG	49.00	46-47	54-55	45	29.3	22.3%	-9.6%	Theo dõi giải ngân
KHP	12.65	11.5-12.5	15.5-16	11	3.7	11.5%	268.1%	Theo dõi giải ngân
PVD	22.95	22-23	27-27.5	21	19.0	76.5%	20.7%	Theo dõi giải ngân
BVH	48.50	46-48	56-58	44	18.9	0.2%	23.7%	Theo dõi giải ngân
CNG	30.80	29-30	36-37	28	9.9	25.9%	-7.6%	Theo dõi giải ngân
BVS	34.70	30-32	36-37	29	13.2	-12.5%	-2.5%	Theo dõi giải ngân
CTD	69.20	67-68.5	82-84	65	20.5	15.4%	39.5%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

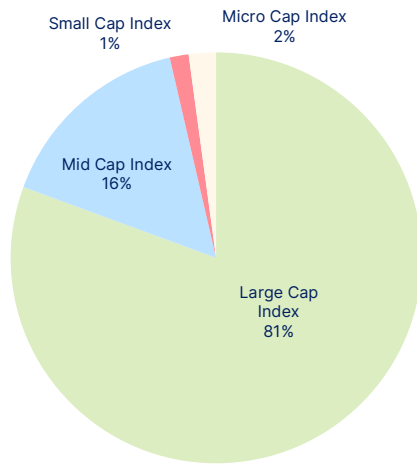
Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
17/6/2024	CLX	16.75	16.8	26-28	16	-0.3%	Nằm giữ
18/7/2024	DPM	35.00	33.2	40-41	35	5.4%	Nằm giữ

## TIN NỔI BẬT

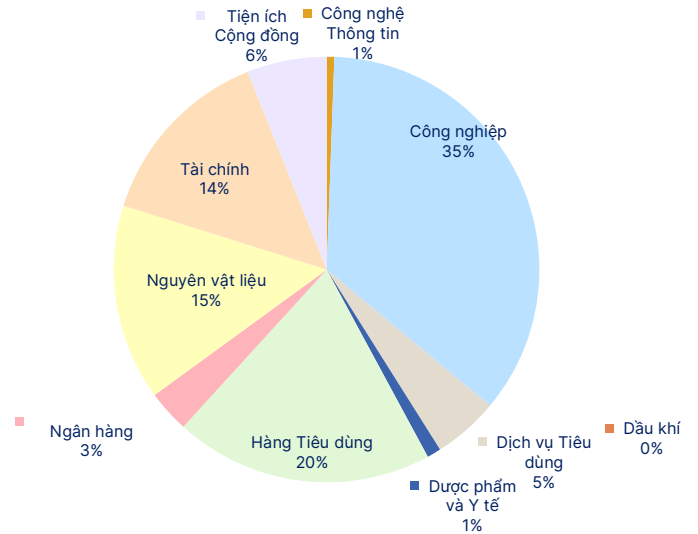
<p><b>GDP của Việt Nam năm 2024 tăng 7.09%</b></p>	<p>Theo số liệu vừa công bố của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý 4/2024 ước tính tăng 7.55% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy GDP cả năm 2024 ước tăng 7.09% so với năm 2023.</p> <p>GDP năm 2024 ước tính tăng 7.09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3.27%, đóng góp 5.37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8.24%, đóng góp 45.17%; khu vực dịch vụ tăng 7.38%, đóng góp 49.46%.</p>
<p><b>Vốn FDI thực hiện tại Việt Nam năm 2024 ước đạt 25.35 tỷ USD, đạt mức cao nhất từ trước đến nay</b></p>	<p>Theo Tổng cục Thống kê, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2024 ước đạt 25.35 tỷ USD, tăng 9.4% so với năm trước, đạt mức cao nhất từ trước đến nay.</p> <p>Cụ thể, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/12/2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 38.23 tỷ USD, giảm 3.0% so với cùng kỳ năm trước.</p> <p>Trong đó, vốn đăng ký cấp mới có 3,375 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 19.73 tỷ USD, tăng 1.8% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và giảm 7.6% về số vốn đăng ký. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 13.44 tỷ USD, chiếm 68.1% tổng vốn đăng ký cấp mới; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 3.72 tỷ USD, chiếm 18.8%; các ngành còn lại đạt 2.57 tỷ USD, chiếm 13.1%.</p> <p>Trong số 80 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam năm 2024, Singapore là nhà đầu tư lớn nhất với 6.26 tỷ USD, chiếm 31.7% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Hàn Quốc 2.89 tỷ USD, chiếm 14.6%; Trung Quốc 2.84 tỷ USD, chiếm 14.4%; Đặc khu hành chính Hồng Kông (Trung Quốc) 2.17 tỷ USD, chiếm 11.0%.</p> <p>Vốn đăng ký điều chỉnh có 1,539 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư tăng thêm 13.96 tỷ USD, tăng 50.4% so với cùng kỳ năm trước.</p>
<p><b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2024 ước đạt 6.391 triệu tỷ đồng</b></p>	<p>Năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 6,391.0 ngàn tỷ đồng, tăng 9.0% so với năm trước (năm 2023 tăng 9.4%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5.9% (năm 2023 tăng 6.8%). So với năm 2019 - năm chưa xảy ra dịch COVID-19, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2024 tăng 29.4%, trong đó doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 31.5% và doanh thu du lịch lữ hành tăng 39.8%.</p> <p>Doanh thu bán lẻ hàng hóa năm 2024 ước đạt 4,921.7 ngàn tỷ đồng, chiếm 77.0% tổng mức và tăng 8.3% so với năm trước. Trong đó, nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng 10.8%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 3.6%; may mặc tăng 8.4%; phương tiện đi lại (trừ ô tô) tăng 8.2%; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 6.0%. Doanh thu bán lẻ hàng hóa năm 2024 so với năm trước của một số địa phương như sau: Quảng Ninh tăng 9.7%; Hải Phòng tăng 9.6%; Cần Thơ tăng 7.8%; Đà Nẵng tăng 7.2%; Hà Nội tăng 6.6%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 5.2%.</p>
<p><b>Năm 2024: Hơn 2 triệu tài khoản chứng khoán được mở, chạm ngưỡng 9.3 triệu</b></p>	<p>Theo số liệu từ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC), thị trường ghi nhận thêm 140,879 tài khoản chứng khoán trong tháng 12/2024, nhích nhẹ so với mức tăng của tháng 11, gần với thanh khoản được cải thiện, qua đó nâng tổng số tài khoản trên thị trường lên gần 9.3 triệu.</p> <p>Tháng 12, số lượng tài khoản nhà đầu tư trong nước tăng thêm chủ yếu đến từ 140,559 tài khoản của nhà đầu tư cá nhân, trong khi tổ chức có thêm 138 tài khoản. Với nhà đầu tư nước ngoài, ghi nhận tăng thêm 162 tài khoản của cá nhân và 20 tài khoản của tổ chức.</p> <p>Tổng cộng có 140,879 tài khoản tăng thêm trong tháng 12, nhìn hơn con số 135,457 tài khoản của tháng 11 trước đó, gần với thanh khoản trung bình cải thiện từ 14,235 tỷ đồng/phiên lên 14,615 tỷ đồng/phiên.</p> <p>Như vậy, tính cả năm 2024, có hơn 2 triệu tài khoản chứng khoán được mở.</p> <p>Với kết quả này, số lượng tài khoản toàn thị trường được nâng lên gần 9.3 triệu, tiếp tục hành trình đạt 11 triệu tài khoản vào năm 2030, theo Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 được Chính phủ phê duyệt vào cuối năm 2023. Trước đó, mục tiêu đạt 9 triệu tài khoản vào năm 2025 đã sớm hoàn thành.</p>

## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH HOSE

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm ngành



Top vốn hóa

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	514,196	19.4%	6,194	14.9	2.7
BID	263,485	17.8%	3,393	11.3	1.9
FPT	219,189	23.1%	5,120	29.1	6.2
CTG	199,764	16.2%	4,035	9.2	1.4
HPG	170,140	11.4%	1,905	14.0	1.5

Top KLGD lớn nhất

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIX	16,616,560	6.9%	814	12.1	0.9
ACB	16,386,625	21.7%	3,638	6.9	1.4
HPG	15,250,533	11.4%	1,905	14.0	1.5
KBC	15,180,900	2.1%	549	49.4	1.0
MBB	15,135,823	20.7%	4,059	6.1	1.2

Top 5 cổ phiếu tăng giá

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VTP	↑ 6.9%	22.6%	2,930	49.2	11.8
HAP	↑ 6.9%	1.1%	119	38.8	0.4
HVX	↑ 6.8%	-19.2%	(1,625)	-	0.3
L10	↑ 6.8%	11.9%	3,310	5.8	0.7
TCT	↑ 6.8%	2.2%	589	28.9	0.6

Top 5 cổ phiếu giảm giá

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DTT	↓ -7.0%	7.9%	1,270	16.3	1.3
TCR	↓ -7.0%	-9.7%	(859)	-	0.4
PAC	↓ -6.9%	13.7%	2,782	15.4	2.1
YEG	↓ -6.9%	5.0%	527	37.1	1.9
APG	↓ -6.9%	-2.8%	(322)	-	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	2,295,668	18.0%	4,641	7.8	1.3
VPB	1,249,500	9.4%	1,672	11.2	1.0
VCI	686,500	9.9%	1,376	23.8	1.9
VGC	604,700	6.0%	1,312	35.8	2.1
KDH	556,001	2.9%	520	66.9	1.8

Top KLGD NĐT nước ngoài bán ròng

Mã	KL bán	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	(1,476,345)	11.4%	1,905	14.0	1.5
VNS	(999,600)	7.4%	1,254	8.3	0.6
VIX	(919,100)	6.9%	814	12.1	0.9
KHG	(909,100)	1.0%	114	48.3	0.5
VNM	(603,420)	26.6%	4,593	13.7	3.7

**Website:** [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật**  
nhat.pt@shs.com.vn

**Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy**  
duy.vt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội Số 41  
Ngô Quyền, Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, Tp.  
Hà Nội  
Tel: (84-24)-3818 1888  
Fax: (84-24)-3818 1688

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 3, Cao Ốc Sài Gòn Metropolitan  
Số 235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q1, Tp.  
Hồ Chí Minh  
Tel: (84-8)-3915 1368  
Fax: (84-8)-3915 1369

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2 Số 03 Lê  
Đình Lý, Phường Vĩnh Trung, Quận  
Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng  
Tel: (84-511)-352 5777  
Fax: (84-511)-352 5779